

Chương 3

Văn học lãng mạn và văn học hiện thực Mỹ thế kỉ 19

3.1 - Sơ lược văn học Mỹ thế kỷ 17 và 18

1. Thời kì khai phá

Sự hình thành nước Mỹ là một hiện tượng lịch sử khá đặc biệt, do trước hết cội nguồn của nền văn học Mỹ không giống như nhiều dân tộc khác. Những chủ nhân thực sự của nền văn học Mỹ lại là những người Châu Âu ra đi từ những nền văn minh, văn học đã khá trưởng thành như: Anh, Pháp, Tây Ban Nha...những nền văn học mà đặc điểm dân tộc hình thành dần dần cùng với sự trưởng thành của ý thức dân tộc. Văn học Mỹ là sự nghiệp của những người sinh ra và lớn lên ở lục địa Châu Âu nơi có ngôn ngữ đã trưởng thành cùng những nếp tư duy đã thành khuôn mẫu.

Theo năm tháng, những tính cách riêng cũng bắt đầu xuất hiện trên các lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, xã hội, tôn giáo... tuy chưa tạo ra tính chất văn học riêng nhưng cũng đã có màu sắc ban đầu tạm gọi là màu sắc địa phương.

Công việc khai phá thế giới mới đòi hỏi rất nhiều công sức, tâm trí, thời gian....cho nên những cư dân mới chưa có điều kiện để suy nghĩ, viết văn. Vừa khai phá vừa đấu tranh với người Indien (thổ dân da đỏ), thời kì xây dựng và củng cố kéo dài hơn một thế kỉ.

Những tác phẩm văn chương ban đầu rải rác chỉ chú ý xây dựng cho được ý thức chung của cộng đồng mới hơn là sáng tạo nghệ thuật. Cho đến cuối thế kỉ 18, văn học hầu như chỉ tập trung vào vấn đề đạo đức và tôn giáo.

Những người Châu Âu đến thế giới mới đầu tiên gồm có hai nhóm:

- Nhóm thứ nhất đến năm 1607, lập ra vùng Virginia, sau này gọi là miền Nam.
- Nhóm thứ hai đến năm 1620-1630, lập ra khu vực Plymouth và Massachusetts, thuộc miền Bắc.

Nhóm đầu tiên là các kĩ sư trung thành với chế độ quân chủ, là thành viên của nhà thờ Anh Quốc.

Nhóm thứ hai là những Puritains (tín đồ Thanh giáo, đạo Purism- đạo trong sạch, khắc khổ ở Anh vốn gốc là đạo Tin lành, học độc lập về tôn giáo, phải trốn chạy vì bị xua đuổi, cùng với những người cấp tiến về chính trị có mầm mống tư tưởng dân chủ sau này)

Thời kì đầu, người Virginia chưa có đóng góp đáng kể trong việc xây dựng nền văn học Mỹ. Họ vẫn hướng về mẫu quốc - nước Anh với tất cả tình cảm tha thiết. Nhờ bóc lột nô lệ ở các đồn điền, cuộc sống của họ ngày càng khá giả. Họ tiếp tục theo dõi và đọc tác phẩm văn học Anh, cho con cái về học ở trường đại học Oxford, một trường đại học nổi tiếng ở Anh và tự xem mình vẫn là một bộ phận của giới tư sản, quý tộc thượng lưu Anh. Một số người viết hồi kí - viết cho bạn bè ở Châu lục xem và phần lớn đều in ấn ở London.

Nhóm người ở Massachusetts thì khác hẳn. Họ chẳng phải là người quý tộc phiêu lưu đi tìm vàng và làm giàu mà là những người bị đẩy dora, muốn ra đi tìm đất mới để xây dựng một nước cộng hoà tự do theo tinh thần đạo đức và tôn giáo của họ. Những tác phẩm họ viết ra tuy chưa có giá trị cao về thẩm mĩ, song có thể coi là bước sơ khai của một nền văn học, góp phần tạo nên tính cách Mỹ. Phải nói rằng những người tín đồ Thanh giáo (Puritains) là người xây dựng tâm hồn Mỹ. Họ mang từ Anh một thứ tôn giáo nghiêm khắc giúp họ dũng cảm chống lại mọi thách thức, nhất là trong thời kì đầu,

hăng hái hoạt động. Cộng đồng Thanh giáo có tổ chức chặt chẽ, không khoan dung với thiên chúa giáo và Anh quốc giáo (Anglicanism) đồng thời kiên quyết chống lại mọi sự chia rẽ bè phái.

Có thể gọi văn chương thời kì thuộc địa này là văn chương Thanh giáo. Xuất thân từ một dòng Tin lành khắc khổ ở Anh thế kỉ 16, tín đồ Thanh giáo coi nhiều lạc thú là tội lỗi, họ rất khát khe về tôn giáo và đạo đức, cần cù chịu khó. Các giáo sĩ dòng Thanh giáo là những người có học thức nhất Châu Âu thời đó. Người Thanh giáo quan niệm rằng Chính phủ phải là một thứ chính trị thần quyền – là sự chỉ đạo của Chúa. Họ nhận định rằng thượng đế không phải là con người lầm lẫn thường tục, mà là mục đích tuyệt đối. Không có ai thành công được nếu Chúa không ban ân huệ cho họ. Theo sự tin tưởng của họ vì tội phạm của ông Adam ở vườn địa đàng mà nhân loại phải sa xuống địa ngục. Chúa Jesus đã hi sinh để đổi thay và giảm nhẹ hình phạt đó, cho nên chỉ có ít người tử vì đạo (tuân tiết hoặc bị hành hình). Cuốn thánh kinh được coi là hoàn hảo không những đưa cuộc sống tâm linh của con người gần gũi với thần học và đạo lí mà còn mang lại kiến thức và cách ăn ở trên đời. Thánh kinh làm nòng cốt cho mọi định lệ trong các sách thần học, chính trị, lễ giáo và tư tưởng trong văn chương nữa. Tác phẩm văn chương của thời kì này gồm tác phẩm lịch sử, các bài thuyết giáo và thơ ca.

Về xã hội tồn tại nhiều đẳng cấp tùy theo tài sản và địa vị. Đẳng cấp cao thì nắm chính quyền, lập pháp và tư pháp.

Đáng chú ý là họ cũng đã tiếp nhận, theo cách của họ phong trào Phục hưng ở Châu Âu, trong chừng mực mà trào lưu Phục hưng giúp phát triển khoa học và lí tính

Công chúng văn học lúc ấy ít nhiều có trình độ văn học, họ đều phải biết kinh thánh, tham gia được các cuộc thảo luận về những vấn đề lí luận tôn giáo.

Các giáo sĩ, sau những mùa màng bội thu đã cho xây dựng trường học và ra lệnh giáo dục tiểu học bắt buộc. Năm 1636, John Harvard, tiến sĩ trường đại học Cambridge ở Anh quốc đã sang Mỹ xây dựng trường đại học đầu tiên và đến nay trường vẫn mang tên ông. Năm 1639, nghề in máy phát triển, tung ra sách và báo với giá rẻ.

Các học thuyết tôn giáo hưng dữ một mặt có tác dụng giúp cho sự rèn luyện ý chí và tinh thần kỉ luật. Thời kì này còn để lại những dấu ấn trong tâm hồn, Sácơ sẽ tạo nên những mặt mạnh cũng như mặt yếu của ý thức người Mỹ (tất nhiên về sau này, người Mỹ đã phá bỏ những định kiến của tính cách nguyên thủy để tạo điều kiện cho sáng tạo nghệ thuật). Nhưng trong một thời kì khá dài, văn học chỉ là hoạt động của giới giáo sĩ. Mọi tác phẩm hư cấu đều bị lên án như hiện tượng nguy hiểm, văn chương không chấp nhận coi phụ nữ và tình yêu là nguồn gây cảm hứng cho văn chương nghệ thuật. Các nhà thần học cần tranh luận xem đàn bà có tâm hồn hay không.

Về sau, tôn giáo mất dần địa vị thống trị trong văn học. Một số thể chế chính trị tự do hơn đã ra đời. Người ta bắt đầu phản ứng chống lại sự khống chế tàn bạo của những người Thanh giáo.

Sự chuyển hướng mạnh mẽ ấy diễn ra vào giữa thế kỉ 18 mà biểu hiện rõ rệt ở nhân vật Benjamin Franklin.

Trong suốt thời kì cách mạng tư sản Anh và triều đại Cromwell những vùng mới khai phá ở châu Mĩ vẫn được coi là độc lập. Về sau đến thời Charles II, một toàn quyền Anh đến nhận chức ở Massachusetts, vẫn còn chế độ đại nghị nhưng quyền hành pháp do đại diện của vua Anh nắm.

Người Mỹ phần lớn quay sang hoạt động kinh tế. Boston trở thành một trung tâm giàu có của giới tư sản. Tờ báo tự do The New England Current của anh em James và Benjamin Franklin, tờ báo nổi tiếng sang tận châu Âu.

Benjamin Franklin (1706 – 1790) sinh ở Boston sau đó đến Philadelphia, một trung tâm buôn bán sang trọng và cởi mở về quan niệm sống. Sang London học nghề in, ở đó ông áp dụng những tư tưởng cách mạng. Ông là một người tư sản thời kì quá độ, nhiều tài năng và kinh nghiệm. Với hai tập niên giám (almanach) và tự truyện, ông nổi tiếng khắp hai lục địa, trong đó ông đề cao mục đích cuộc sống là đạt sự thành công. Ông dành cho trí thông minh vị trí quan trọng bên cạnh lương tâm, giải phóng tinh thần lạc quan, nhanh nhẹn, năng động, tự tin ở mình và số phận. Franklin có công phát hiện và biến thành giá trị thật sự những phẩm chất thực tiễn của tính cách Mỹ.

Franklin biết rằng muốn sáng tạo một nền văn học Mỹ thì người Mỹ phải tiếp cận với các nền văn hoá khác. Tuy chưa học hết bậc đại học, ông có một thư viện riêng rất lớn. Ông thường trao đổi thư từ khoa học, chính trị và văn chương với các trí thức đồng nghiệp ở Anh, Pháp. Trong lúc đó, ông đang trở thành nhà tư bản lớn đầu tiên ở thế giới mới.

Tác phẩm văn học nổi tiếng nhất của ông lại là cuốn Tự truyện (Autobiographic). Ông là một trong những người đóng góp tích cực động viên tinh thần cách mạng của người Mỹ. Sai lầm của chính phủ Anh đã gây nên một phong trào chống đối ở tất cả các thuộc địa. Tình hình đòi hỏi một đất nước Mỹ độc lập đã chín muồi. Cuộc cách mạng bùng nổ, Franklin hoạt động cách mạng ở nước ngoài.

2. Thời kì cách mạng

Xung đột về quyền lợi giữa người dân Mỹ với chính phủ hoàng gia Anh đã dẫn đến cách mạng, khởi đầu vào tháng 04 năm 1775, dưới sự lãnh đạo của tướng George Washington đến ngày 04 tháng 07 năm 1776, Quốc hội đã phê chuẩn bản TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP của một Ủy ban soạn thảo do ông Thomas Jefferson cầm đầu. Đó là ngày quốc khánh thật sự của nước Mỹ, mặc dù chính thức đến 1783 nước Anh mới chịu đặt bút “phê chuẩn”

Là một trạng sư trẻ, 33 tuổi, Jefferson đã được giao trách nhiệm quan trọng là soạn thảo bản Tuyên ngôn Độc lập lịch sử. Ông mở đầu bằng một câu nổi tiếng: “Chúng tôi cho rằng đây là những chân lý bất hủ: mọi người sinh ra đều bình đẳng; họ đã nhận được ở thượng đế những quyền lợi bẩm sinh, không thể xoá bỏ được, trong đó có các quyền sống, quyền tự do và quyền được hưởng hạnh phúc”.

Khi còn học ở trường đại học, Jefferson đã tiếp thu lí luận của Locke - lí thuyết gia của cách mạng tư sản Anh. Khi bàn về “tam quyền”, Locke đưa ra quyền thứ ba là “quyền tư hữu tài sản” thì Jefferson thay thế bằng “quyền được hưởng hạnh phúc” với ý thức nhấn mạnh tính chất dân chủ hơn là tài sản.

Cuộc chiến tranh giành độc lập của Hoa Kỳ chẳng những chỉ thành lập một quốc gia mà còn tạo ra một nước dân chủ - không có vua đầu tiên trên thế giới. Kết quả đó đã khuyến khích rất nhiều cho cuộc cách mạng tư sản Pháp nổ ra sau đó ít lâu (1789)

Tướng Washington đã lui về chốn điền viên lại được yêu cầu ra tham chính. Ông soạn thảo ra bản Hiến pháp Hoa Kỳ, trong đó phần lớn quyền hành được giao cho chính phủ liên bang. Hội nghị các bang lại tiếp tục đề nghị ra 10 đạo luật bổ sung nhằm giảm bớt quyền hạn của chính phủ liên bang, gia tăng quyền hạn công dân và được gọi chung là TUYÊN NGÔN NHÂN QUYỀN.

Bản tuyên ngôn này thiết lập tự do tôn giáo, tự do ngôn luận, tự do báo chí và vạch ra những quyền lợi căn bản của một công dân ở nước dân chủ .

Ông George Washington được bầu làm Tổng thống đầu tiên của Hoa Kỳ.

Jefferson tin ở bản chất tốt đẹp của con người, ở tính bản thiện, rằng con người được thượng đế che chở chống con quỷ tham lam và khát vọng thấp hèn. Ông chủ trương mở rộng quyền hạn của các bang và quyền tự do của công dân. Khi làm tổng thống thứ 3 của Hoa Kỳ , ông cố gắng giữ quan điểm của mình.

ALEXANDER HAMILTON (1757 –1804)

Đại diện cho các tư tưởng bảo thủ lúc bấy giờ là Alexander Hamilton. Ông say mê cuồng tín đối lập với Jefferson và tuyên bố thẳng thừng “ dân chúng cũng như thú vật”; chỉ nên dành cho họ một số quyền hạn tối thiểu.

JOHN ADAMS (1735 – 1826)

Với tư cách là tổng thống thứ hai sau Washington , chính sách của ông chủ yếu tiếp nối đường lối Washington. Ông viết khá nhiều sách (10 cuốn). Theo ông nếu không có tôn giáo và nhà thờ thì bản chất con người vốn là xấu. Quan điểm của ông ở vị trí trung gian giữa Hamilton và Jefferson.

3.2 VĂN HỌC MỸ THẾ KỈ 19

Giai đoạn 1- Văn học Mỹ nửa đầu thế kỉ

Sau cách mạng thành công, nước Mỹ bắt đầu ý thức được khả năng văn học của dân tộc. Đầu thế kỉ 19, các nhà văn thực sự, những người có tài năng và sống bằng nghề cầm bút mới xuất hiện và có vị trí trong xã hội Mỹ.

Trong nửa đầu thế kỉ 19, New York là trung tâm tập hợp, thu hút những nhà văn chuyên nghiệp đầu tiên .New York chẳng những là trung tâm thương nghiệp, hàng hải, giao thông đường bộ mà còn là đại bản doanh của văn học nghệ thuật.

New York đã chói sáng lên 2 nhà văn lừng lẫy nước Mỹ: Washington Irving nhà viết tiểu luận, và James Fenimore Cooper nhà tiểu thuyết, lại còn lôi kéo nhà thơ William Bryant từ Massachussetts, nhà viết truyện Edgar Allan Poe từ Virginia đến. Mỗi người là một tài năng độc đáo , mặc dù còn chịu ảnh hưởng của các trào lưu văn học Anh hoặc lục địa nhưng vẫn biểu hiện được nét độc đáo của người Mỹ - độc đáo về sự lựa chọn đề tài , về kĩ thuật biểu hiện và tính dân tộc.

TRÀO LƯU VĂN HỌC LÃNG MẠN

Dường như nước Mỹ có thiên hướng bẩm sinh về văn học lãng mạn. Khí hậu, thời tiết đa dạng, phong cảnh đa dạng hữu tình, những bãi đất dài từ các hồ lớn đến bờ biển vịnh Mexique ... tạo ra cái đẹp muôn vẻ thiên nhiên. Nhiều biển hồ mênh mông, thác nước hùng vĩ, những bãi cỏ xanh tươi đến tận chân trời, những khu rừng nguyên sinh, những khoảng không gian có vẻ vô bờ bến để nảy sinh biết bao nhiêu nguồn cảm hứng sâu sắc, mãnh liệt. Ranh giới giữa cuộc sống dân Mỹ với cuộc sống của các bộ lạc người Anh-điêng da đỏ quen lối sống hoang dã chẳng có bao xa tạo nên một không khí gần như huyền thoại.

Dân tộc Mỹ là một dân tộc trẻ, xét về mặt văn hoá, mới định cư ở một thế giới xa lạ với nguồn gốc, đã chứng tỏ một sức sống mãnh liệt, một trí tưởng tượng phong phú, một niềm tin sắt đá ở số phận mà ta có thể xem đó là những động lực mạnh mẽ thúc đẩy những hoạt động lãng mạn. Họ đã biểu thị những phẩm chất ấy trong sự nghiệp khai phá táo bạo để làm chủ cả một lục địa rộng lớn.

Tình cảm của người Mỹ biểu hiện rõ trong tinh thần ái quốc, trong nhiệt tình hoạt động trong cộng đồng, trong sức sống của mỗi cá nhân hiến dâng cho cách mạng nhân danh các nguyên lí Tự do và Bình đẳng. Những yếu tố ấy thực ra đã tiềm ẩn ngay từ đầu nhưng chúng đã bị đàn áp cho mãi đến cuối thế kỉ 18. Đến đầu thế kỉ 19, mọi hoạt động nhiệt tình được cất cánh bay bổng, mọi khao khát sống và hưởng hạnh phúc đều được tự do thực hiện.

Những bài tiểu luận đầy nhiệt tình của Jean Jacques Rousseau ở Pháp và những bước đi khổng lồ của cách mạng Pháp đã vang dội khắp thế giới và cũng đã góp phần động viên sự nghiệp cách tân tinh thần ở Mỹ. Nước Anh cũng là một tấm gương về sự khôi phục cuộc sống tình cảm. Ít lâu sau, nước Đức triết học cũng có ảnh hưởng tới Mỹ.

Từ lãnh vực chính trị, xã hội, tư tưởng và tôn giáo, chủ nghĩa lãng mạn đã chuyển vào văn học. Ở Mỹ, **chủ nghĩa lãng mạn** không bao giờ biểu hiện bằng sự say mê cực đoan. Khi xuất hiện, tình yêu không bao giờ ồn ào sôi động mà có chừng mực, lí tưởng hóa, xua đuổi sự ham muốn, cảnh giác chống sự bùng nổ sắc dục.

Tiểu thuyết lãng mạn Mỹ làm rung động người đọc bằng những yếu tố siêu nhiên, thần bí hoặc là các bí ẩn của tâm hồn và các bi kịch của ý thức.

Thơ ca cũng bắt nguồn từ bấy nhiêu yếu tố, nhiều nhất là ở tình yêu đối với thiên nhiên, ở linh tính về sự có mặt của Thượng đế trong thế giới trần tục, ở lòng thương yêu con người và cuộc đời.

New York trong nửa đầu thế kỉ 19 đã từng là trung tâm văn học sôi động nhất ở Mỹ lúc ấy mới chỉ là một thành phố nhỏ nhưng rất thuận lợi cho sự nở rộ những vụ mùa đầu tiên của văn học Mỹ.

Dưới đây là tên tuổi của những cây bút tiêu biểu của văn học Mỹ nửa đầu thế kỉ 19:

** Các nhà tiểu thuyết New York:*

Washington Irving (1783-1859)

James Fenimore Cooper (1789-1851)

Edgar Allan Poe (1809-1849)

Brockden Brown (1771-1810)

** Các nhà văn “thế giới mới”:*

Nathaniel Hawthorne (1840-1864)

Herman Melville (1819-1891)

Henry David Thoreau (1817-1862)

Ralph Waldo Emerson (1803-1882)

** Các nhà thơ Mỹ:*

William Cullen Bryant (1794-1878)

John Greenleaf Whittier (1807-1892)

James Russel Lowell (1819-1891)

Henry Wordsworth Long Fellow (1807-1882)

Edgar Allan Poe (1809-1849)

Ralph Waldo Emerson
Sidney Lanier (1842-1881)
Walter Whitmann (1819-1892)

Nhìn chung các nhà văn, nhà thơ lãng mạn Mỹ thể hiện những phong cách đa dạng, phong phú diễn tả cuộc sống đầy sinh lực của một quốc gia trẻ trung. Cooper viết những truyện phiêu lưu du kí về đời sống Mỹ, nói về những con người đi khai phá biên cương và người thổ dân da đỏ, sự xung đột của một nền văn minh mới với cuộc sống sơ khai của đất Mỹ. Beecher Stowe phôi bày vấn đề nô lệ trong cuốn truyện “Uncle Tom’s cabin”(Túp lều của bác Tôm) mở đầu cho kỉ nguyên chống lại chế độ nô lệ và phân biệt chủng tộc. Emerson, một cây bút lỗi lạc nhất ở bang New England, đã viết những bài tiểu luận gây ảnh hưởng sâu đậm nhất trong nền văn học Mỹ. Bài diễn văn ông đọc ở trường Đại học Harvard có tựa đề “American Scholar” (Trường phái Mỹ) đã được mệnh danh là “Bản tuyên ngôn độc lập” của tinh thần Mỹ:

“Những ngày lệ thuộc, thời kì tập sự, học hỏi nước ngoài từ bao lâu nay đã cáo chung. Hàng triệu con người quanh ta đang lao mình vào cuộc đời, không thể nào mãi mãi sống nhờ vào đồng cựa bả của ngoại bang đã thu nhật từ ngàn xưa”

Nhà văn Mỹ bắt đầu nhấn mạnh **chủ nghĩa cá nhân** và xúc cảm trước những vẻ đẹp thiên nhiên với tâm hồn chan chứa say sưa. Họ khẳng định con người khác hẳn một cái máy biết suy nghĩ. Cuộc sống có bao nhiêu điều bí ẩn cần phát hiện. Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên và cuộc đời bình dị như Cooper, Emerson, Thoreau; say sưa với quá khứ mở đất, chinh phục huy hoàng như Irving, Hawthorne, yêu thích những chốn xa xăm như Melville, sầu muộn đến bệnh hoạn như Edgê Poe. . .

Những áng văn đa dạng của những tác giả trên đã làm phong phú cho nền văn học Mỹ.

Giai đoạn 2- Văn học Mỹ nửa sau thế kỉ 19

1. Sự đổi mới của văn học

Ngay từ trong chủ nghĩa lãng mạn ở châu Âu, khoảng 1840, đã xuất hiện nhiều yếu tố hiện thực. Tính khách quan, sự quan sát và tri giác cụ thể, việc miêu tả chính xác đối tượng đã bắt đầu được coi trọng hơn chủ nghĩa khách quan đầy tình cảm và mơ mộng.

Nguyên nhân đổi mới:

- Xã hội tư bản, cuộc sống xã hội đòi hỏi phải quan tâm đến các công việc, các sự kiện, sự hiểu biết *thực tế*, nghĩa là văn học cần phải có tinh thần *thực tiễn* để đối diện với sự việc có thực, trước mắt.

- Những tiến bộ của khoa học kĩ thuật phát sinh nhu cầu hiểu biết chân lí chuẩn xác. Thời đại phát triển công nghiệp đòi hỏi sự tính toán cẩn thận.

Ở Mỹ, còn có thêm những nguyên nhân ảnh hưởng đến văn học đổi mới ngày càng xa rời lãng mạn.

- Việc di dân về miền Tây khiến dân chúng bắt đầu ham muốn các nguồn lợi vật chất

- Hệ thống đường xá, xe lửa, kênh rạch phát triển làm gia tăng quan hệ giao tiếp giữa vùng đất cũ và đất mới, nảy sinh nhu cầu tìm hiểu thực tế vùng đất mới.

- Cuộc chiến tranh Nam Bắc đẫm máu kéo dài 4 năm (1861-1865) khiến cho người lính không còn mang ảo tưởng hiệp sĩ lãng mạn. Họ bị quan về số phận con người và cuộc sống.

- Sự thắng lợi của miền Bắc đã lập lại khối liên hiệp thống nhất nước Mỹ, đã kích thích người Mỹ muốn tìm hiểu đất nước của họ - một đất nước đa dạng và rộng rãi sẽ làm nên sức mạnh quốc gia từ nay về sau.

- Người Mỹ ít chú ý đến quê hương mà quan tâm đến cả lục địa giàu tài nguyên và phẩm chất con người. Nhà văn hiểu rằng mọi người chú ý đến cảnh vật, đặc điểm sắc tộc, phong tục truyền thống, khát vọng mỗi miền và họ nhận thấy văn học cần đáp ứng nhu cầu đó. Thời kỳ này nở rộ các tác phẩm “địa phương” dưới hình thức truyện vừa, gần như một trường phái, người Mỹ gọi là “Local colourschool”. Nó chưa hẳn là chủ nghĩa hiện thực bởi vẫn còn xen kẽ tình cảm vay mượn ở các tác phẩm lãng mạn. Sự quan tâm quá mức đến vẻ đẹp bề ngoài làm giảm bớt giá trị chân thực của bức tranh đời sống.

2. Giai đoạn chuyển tiếp

(Truyện vừa và tiểu thuyết theo cảm hứng địa phương)

Sau cơn ác mộng của chiến tranh, nước Mỹ muốn tự tìm hiểu mình, đã ngạc nhiên phát hiện ra cảnh quan đẹp nhất của các địa phương là California được miêu tả trong tiểu thuyết “*The Luck of Roaring Camp*” của nhà văn Bret Harte. Harte viết nhiều về những vẻ đẹp đất nước Mỹ, khi cảm hứng cạn nguồn, ông được cử làm lãnh sự ở một nước châu Âu và chẳng bao giờ trở lại nước Mỹ “quê hương” nữa.

Tính chất mới mẻ của thể loại đã tạo nên sự ngạc nhiên và thích thú trong đông đảo công chúng văn học. Thế là hình thành một trường phái các nhà văn địa phương, họ ra sức khai thác màu sắc địa phương của các bang. Cái đẹp của thiên nhiên cùng với phong vị tập quán đặc thù làm cho văn học có một bước phát triển mới.

Có thể kể thêm một số nhà văn và tác phẩm: Helen Hunt Jackson với “*The Red City*” và “*The Youth of Washington*”. James Lane Allen với cuốn “*The Choir invisible*”, Charles Chaddock viết cuốn “*Poor Whites*”(Những người bạch đinh)

3. Nhà văn Mark Twain và cảm hứng humour

Một số tác phẩm nổi tiếng của Mark Twain:

- + *Roughing It* (Gay go, vất vả), cuộc tìm vàng gian lao
- + *Adventures of Tom Sawyer* (Những cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer), ca ngợi thế hệ trẻ Mỹ
- + *Adventures of Huckleberry Finn*, chống chế độ nô lệ
- + *The Golden Age* (Thời đại vàng), lần đầu phê phán xã hội Mỹ
- + *What is man?* (Con người là gì?)
- + *The Mysterious Stranger* (Người lạ mặt bí ẩn)

Humour (uy mua) không phải là chủ nghĩa hiện thực nhưng thường đi theo chủ nghĩa hiện thực và tạo điều kiện cho chủ nghĩa hiện thực phát triển.

“Uy mua” có nguồn gốc từ chất hài hước Anglo-Saxon ở Anh, với nghĩa là cái đáng buồn cười mà lại diễn đạt theo *một hình thức nghiêm chỉnh*. Thi pháp của nó là lối “đùa không cười” hay nói đúng hơn là tiếng cười không bật ra thoải mái, bất ngờ khi có sự tồn tại song song của nội dung phi lý, thô tục, quá đáng và cái hình thức giả dạng nghiêm túc, chuẩn xác, hợp lý. Người miền Tây thích giải trí với những chuyện “humour” buổi tối bên cạnh cốc rượu whisky.

Mark Twain là nhà văn trào phúng bậc nhất của Hoa Kỳ, tiểu thuyết đầy chất sáng tạo và hấp dẫn do nơi sinh của ông thuộc về miền đất được coi là trái tim của Hoa Kỳ, gần vùng biên giới và ngay tại bờ sông Mississippi, con sông lớn này đã nối hai miền bắc và nam.

Mark Twain có tên thật là **Sam Langhorne Clemens**, chào đời vào ngày 30 tháng 11 năm 1835 tại Florida, thuộc tiểu bang Missouri, và là đứa con thứ sáu. Cha của Sam là ông John Marshall Clemens là một luật sư, đã rời khỏi tiểu bang Virginia để sang định cư tại Missouri còn bà mẹ Jane Lampton Clemens là người từ tiểu bang Kentucky. Đây là một gia đình không giàu có nhưng cho các con được sống tự do, thoải mái. Vào thời kỳ đó, cả hai tiểu bang Missouri và Kentucky đều là tiểu bang duy trì chế độ nô lệ. Năm 1821, Missouri được nhận vào Liên bang Hoa Kỳ.

Khi lên 4 tuổi tức là vào năm 1839, gia đình của Sam Clemens dọn về Hannibal, một thị xã nhỏ nằm về phía tây trên bờ sông Mississippi. Hannibal cách thành phố lớn Saint Louis 120 dặm về phía bắc. Dân số của thị xã này vào khoảng 1,000 người, một nửa là nô lệ và những người da đen nào không có đủ giấy tờ đều bị bắt. Nhiều người nô lệ da đen bị bán cho các đồn điền thuộc phía Nam trong các tiểu bang như Louisiana, Georgia... Sam Clemens trải qua tuổi trẻ tại thị xã Hannibal, đã từng bơi lội trên sông, chơi đùa trong các cánh rừng hay trên các hòn đảo của giòng sông và đọc các cuốn truyện phiêu lưu mạo hiểm.

Mississippi là một giòng sông rất lớn, nối miền bắc với các thành phố phía nam như Memphis và New Orleans, và do con sông Ohio hội nhập lại, người dân có thể đi tới Cincinnati và các thành phố khác thuộc miền đông. Từ các phong cảnh, kinh nghiệm và kỷ niệm với giòng sông này, tác giả Mark Twain đã viết ra nhiều tác phẩm danh tiếng.

Năm 1847, người cha qua đời, Sam Clemens tới học nghề với người anh tên là Orion, người này có một nhà in và một tờ báo. Vào thời bấy giờ, thợ in không phải là một nghề kiếm nhiều tiền, Sam đã từng đi làm công tại nhiều thành phố như Keokuk hay New York, đã mơ tới xứ Nam Mỹ để đi tìm vàng, mơ tới các cách làm giàu nhanh chóng.

Sam Clemens tới học nghề lái tàu với ông Horace Bixby vào năm 1857 và đã ưa thích nghề mới này hơn tất cả các nghề khác đã từng làm trước kia. Vào thời kỳ đó, thuyền trưởng lái tàu trên sông là một người đứng sau bánh lái và nhiều phong cảnh đẹp của giòng sông đã hiện ra trước mắt, thời gian khác nhau trong ngày lại có các cảnh trí khác nhau, với các khúc sông quanh co chứa nhiều phong cảnh thay đổi từ mùa này sang mùa khác. Các kinh nghiệm và kỷ niệm của quãng đời học nghề lái tàu này đã được tác giả Mark Twain mô tả trong cuốn truyện "Đời sống trên giòng sông Mississippi" (Life on the Mississippi).

Sam Clemens lấy được bằng lái tàu trên sông vào năm 1859 nhưng rồi Cuộc nội chiến Nam Bắc Mỹ đã xảy ra, khiến cho việc lưu thông trên sông Mississippi bị chấm dứt. Trong thời Nội Chiến, Sam Clemens đã tham gia vào Lực Lượng Quân Sự Miền Nam nhưng sau ba tuần lễ, đã đào ngũ, trốn đi theo nghề đào mỏ bạc tại tiểu bang Nebraska, rồi lang thang từ thị xã này qua thành phố kia và cuối cùng tới tiểu bang Nebraska, định cư tại thị xã Virginia City. Sam Clemens bắt đầu viết bài cho tờ báo Territorial Enterprise của thị xã này.

Vào năm 1863, Sam Clemens dùng bút hiệu "Mark Twain", có nghĩa là "sâu 2 tầm", do từ các kỷ niệm lái tàu trên giòng sông Mississippi. Sau lần cãi nhau với chủ bút tờ báo, Mark Twain rời Nebraska và dọn qua tiểu bang California vào mùa xuân năm 1864. Từ năm 1865, danh tiếng đã tới với Mark Twain sau khi ông cho xuất bản cuốn

truyện "Con ếch hay nhảy ở hạt Calaveras" (The Jumping Frog of Calaveras County). Khi công ty Tàu thủy Thái bình dương (The Pacific Steamboat Company) khánh thành tuyến đường thủy giữa thành phố San Francisco và các hải đảo Hawaii, thời bấy giờ còn được gọi là các đảo Sandwich (The Sandwich Islands), Mark Twain được tờ báo The Sacramento Union phái đi làm phóng sự. Mark Twain đã viết một loại bài châm chọc các du khách. Mark Twain đã đưa lối văn đàm thoại (colloquial speech) vào cách hành văn Mỹ và nhờ các truyện ngắn, ông đã nổi danh là một nhà viết văn khôi hài (humorist), chuyên chế riễu các phong tục, tập quán và các định chế của xã hội đương thời và ông được xếp hạng cùng với các nhà văn như Bret Harte, Artemus Ward và Petroleum V. Nasby. Đây là các nhà văn rất nổi tiếng về các câu chuyện dân gian, viết bằng giọng văn có chứa đựng các thổ ngữ và nhiều chi tiết hài hước.

Năm 1867, Mark Twain thực hiện một chuyến du lịch qua châu Âu và miền Đất Thánh Palestine bằng con tàu thủy Quaker City. Các bức thư kể về chuyến du lịch này, gửi cho tờ báo Alta California tại thành phố San Francisco và tờ báo New York Tribune tại thành phố New York, được gom lại và xuất bản vào năm 1869 thành cuốn truyện "Những kẻ ngây thơ ở nước ngoài" (The Innocents Abroad). Qua cuốn này, Mark Twain đã chế riễu sự điên khùng của nhiều du khách Mỹ đã phải băng qua đại dương để đi coi các ngôi mộ của những người đã chết trong khi còn rất nhiều thứ đang sống, đáng coi hơn tại Hoa Kỳ. Tác giả Mark Twain cũng viết khôi hài về các cảnh nhìn thấy, về các tập quán nghịch lý của các quốc gia đã đi qua và so sánh Hoa Kỳ là một đất nước sống động, đang phát triển, trái ngược với châu Âu là một miền đất đang thoái hóa, suy tàn. Tác phẩm của ông đã khiến ông nổi tiếng và được nhiều người tôn trọng, đồng thời các nhà văn Miền Tây Hoa Kỳ không còn bị coi thường như trước kia.

Do là một nhà văn nổi tiếng, Mark Twain kết hôn vào năm 1870 với cô Olivia Langdon, thuộc một gia đình giàu có và danh giá. Các kỷ niệm và cách tán tỉnh người đẹp của thời kỳ này được lưu dấu trong các bức thư mà Mark Twain viết cho Olivia và cho các bạn của cô nàng, rồi về sau thể hiện qua lối vẽ văn của Tom đối với Becky trong tác phẩm "Tom Sawyer". Sau đám cưới 5 năm, Mark Twain rời gia đình về thành phố Elmira, thuộc tiểu bang New York, rồi dọn sang cư ngụ tại thành phố Hartford thuộc tiểu bang Connecticut vào năm 1871. Tại nơi sau này đã ra đời các người con của Mark Twain: con trai Langdon chết non vào năm 1872, sau đó là ba cô con gái Susy, Clara và Jean, chào đời trong các năm từ 1872 tới 1880. Vào năm 1874, gia đình Mark Twain dọn về một căn nhà sang trọng 19 phòng tại Hartford.

Tại thành phố Hartford, Mark Twain đã làm quen được một số nhân vật trong giới văn học, trong số này có William Dean Howells là một tác giả danh tiếng và chủ nhiệm của nguyệt san "The Atlantic Monthly". Howells đã sớm nhận ra tài năng hài hước của Mark Twain, đã khuyến khích nhà văn trẻ phát triển biệt tài đó bằng cách cổ vũ và trợ giúp bằng nguyệt san Atlantic.

Trong 20 năm trường sống tại thành phố Hartford hay tại Quarry Farm gần thành phố Elmira, New York, Mark Twain đã viết rất nhiều và các bài viết được phổ biến qua các tạp chí văn học xuất bản tại hai thành phố Boston và New York.

Sau cuốn "Sống thiếu thốn" (Roughing It) kể về cuộc đời của một người thợ mỏ và một nhà báo, cuốn tiểu thuyết đầu tiên của Mark Twain là "Thời kỳ vàng son" (The Gilded Age, 1873). Tác giả đã viết cuốn này chung với Charles Dudley Warner, một người bạn và một nhà văn sống tại Hartford. Cuốn "Thời kỳ vàng son" nói về các thập

niên sau Cuộc nội chiến, qua đó tác giả châm chọc tính ích kỷ và các cách kiếm tiền phổ thông của thời bấy giờ.

"Những cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer" (The Adventures of Tom Sawyer, 1876) được coi là hồi ký của Mark Twain và tác giả mô tả Tom Sawyer, anh bạn Huck Finn và tên gian ác Injun Joe cũng như làng St. Petersburg nhờ các kỷ niệm sống tại Hannibal khi trước.

"Lang thang ra nước ngoài" (A Tramp Abroad, 1880) được viết ra từ chuyến du lịch châu Âu của tác giả vào năm 1878. Cuốn truyện này kể lại các chuyến đi qua các nước Đức, Thụy Sĩ và Ý và qua đó, tác giả đã pha trộn các truyền thuyết, chuyện kể, chuyện khôi hài và các nhân vật địa phương để chế riễu nhẹ nhàng các sách du lịch và nền văn hóa tại châu Âu.

"Hoàng tử và kẻ nghèo" (The Prince and the Pauper, 1882) dùng khung cảnh nước Anh vào năm 1550, mô tả sự trao đổi nhân dạng giữa Hoàng Tử Edward-6 của nước Anh và đứa trẻ nghèo hèn tên là Tom Canty. Cuốn truyện này đã làm vừa lòng một số độc giả thuộc vùng New England nhưng một số người khác lại bất mãn vì họ ưa thích loại truyện đã xuất bản trước kia.

"Đời sống trên dòng sông Mississippi" (Life on the Mississippi, 1883) mô tả về lịch sử, truyền thuyết, khung cảnh, con người của các con tàu thủy, của các thành phố dọc theo con sông Mississippi. Tác giả Mark Twain đã kể rõ về những ngày lái tàu của mình khi trước từ chương 4 tới chương 17. Các chương này trước kia đã được phổ biến trên nguyệt san Atlantic vào năm 1875 qua loạt bài "Thời xưa trên giòng sông Mississippi" (Old Times on the Mississippi).

"Những cuộc phiêu lưu của Huckleberry Finn" (The Adventures of Huckleberry Finn) được coi là tác phẩm danh tiếng nhất của Mark Twain, được xuất bản tại nước Anh vào năm 1884 và Hoa Kỳ vào năm 1885, và là phần tiếp của cuốn "Tom Sawyer". Cuốn truyện này mô tả các cuộc phiêu lưu của hai đứa trẻ trốn nhà, là Huck Finn và một em nô lệ da đen tên là Jim. Tom Sawyer cũng xuất hiện lại trong một số chương với trò khôi hài cổ hữu. Trong truyện, Mark Twain đã dùng thứ ngôn ngữ hiện thực (realistic language) thêm vào là nhiều loại thổ ngữ (dialects) làm cho sống động các nhân vật. Các lối hành xử thiếu đạo đức, lời nói vô hạnh nhất thời của nhân vật Huck Finn và cách dùng văn phạm thiếu thận trọng của tác giả trong tác phẩm, đã làm cho một số độc giả bất mãn. Thư viện công lập Free Public Library đã cấm cuốn truyện này vào năm 1885. Ngoài ra, một số độc giả còn phản đối Mark Twain vì cho rằng ông đã chấp nhận chế độ nô lệ, lời văn mang tính kỳ thị và đã dùng chữ "nigger" (kẻ nô lệ dơ bẩn). Thực ra đối với thời bấy giờ, Mark Twain là một người tiến bộ về vấn đề chủng tộc và các chủ đề sâu xa viết về Huckleberry Finn đã bàn tới sự bình đẳng căn bản và khát vọng toàn cầu của mọi người thuộc mọi chủng tộc.

Cuối cùng, tác phẩm "Người Mỹ trong triều đình của vua Arthur" (A Connecticut Yankee in King Arthur's Court, 1889) đã trình bày một nhân vật khác nhiều màu sắc. Đây là người đốc công trong xưởng kim loại từ Hartford, Connecticut, tên là Hank Morgan. Nhờ quỷ thuật, Morgan thấy mình được sống tại nước Anh vào khoảng năm 500 sau Tây Lịch, nên đã quyết định cải tổ xã hội Anh bằng cách đưa vào đó các lợi ích về kinh tế, trí thức và đạo đức của các năm 1800. Nhưng trước các cải cách và hoạt động từ thiện, đám đông quần chúng ngu dốt, cố vấn do giới Hiệp sĩ và Tu sĩ mê tín, đã nổi lên lật đổ Nhà vua nước Anh. Qua các sự kiện xảy ra trong truyện, tác giả đã gián tiếp chế nhạo các thái